

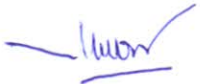
Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 09 tháng 05 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				181,502
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	261	9,657,000
	Được chi trong ngày				9,838,502
	Đã chi trong ngày				9,822,760
	1. Dịch vụ				287,100
1	Gas sáng		0	261	0
2	Gas trưa		1,100	261	287,100
	2. Kho				1,395,000
	Ăn chính				1,395,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	5	1,395,000
	3. Đi chợ				8,140,660
	Ăn chính				8,140,660
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Nước dừa tươi	Lít	10,500	5	52,500
3	Bí đao (bí xanh)	Kg	29,400	10	294,000
4	Cải trắng, cải ngọt	Kg	36,750	1	36,750
5	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.2	15,750
6	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
7	Rau ngò	Kg	147,000	0.1	14,700
8	Tỏi	Kg	78,750	0.1	7,875
9	Thơm (Dứa)	Kg	54,600	4	218,400
10	Thanh long	Kg	44,100	22	970,200
11	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	199,500	5.5	1,097,250
12	Đường kính	Kg	38,850	2	77,700
13	Tôm sú	Kg	378,000	8	3,024,000
14	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
15	Bánh bông lan chà bông	Cái	6,600	250	1,650,000
16	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
17	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	1	78,840
18	Hành tím xay	Kg	68,250	0.1	6,825
19	Dầu ăn Tường An 400ml	Chai	32,400	2	64,800
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				2,511,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				44,502,258
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			1,310	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				48,470,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				48,454,258
	Chênh lệch cuối ngày				15,742

Kế toán


Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng


Nguyễn Thị Diệp Thúy